

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **66 /2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 13 / 07 /2022.

V/v ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Dương Văn Na

2- Bà Phạm Thị Xuân Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 235/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49 /2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị C, sinh năm 1985;

Địa chỉ: A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ tạm trú: Ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Ch, sinh năm 1973;

Địa chỉ: A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Chị C, anh Ch yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2022, bản tự khai và đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, chị C có lời trình bày như sau:

Chị và anh Trần Văn Ch tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, cuộc sống của vợ chồng chị hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị thường xuyên cự cãi. Anh Ch còn thường xuyên nhậu và mỗi lần đi nhậu về thì chửi và đuổi chị ra khỏi nhà. Từ năm 2019, do không thể ở chung được với anh Ch nên chị về Đồng Tháp sinh sống. Cũng từ năm 2019 thì vợ chồng anh chị ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh Ch không liên lạc hay gặp nhau để hàn gắn chuyện tình cảm của vợ chồng. Anh Ch, không qua thăm chị và con cũng không cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị.

Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh Ch không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: có 01 chung tên Trần Thị Kim P, sinh ngày 06/9/2008. Hiện cháu đang ở với chị C. Sau khi ly hôn chị C yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 23/6/2022 của Tòa án, anh Trần Văn Ch là bị đơn có lời trình bày như sau:

Anh và chị C kết hôn vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng anh sống hạnh phúc. Cách đây 3 năm thì anh chị mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh Ch cho rằng vợ chồng anh mâu thuẫn do chị C không hợp tính cách với con lớn là con riêng của anh và về nơi cư trú. Anh Ch muốn vợ chồng anh sinh sống ở P, còn chị C thì muốn sống ở Đ. Hai bên không đạt được thỏa thuận nên vợ chồng anh mỗi người sống một nơi và ly thân đến nay là 3 năm. Anh và chị C không có liên lạc với nhau, anh chỉ liên lạc với con. Hiện nay cuộc sống của chị C thế nào anh không biết. Nay chị C yêu cầu ly hôn thì tùy chị C quyết định và Tòa án giải quyết, anh không đồng ý ly hôn vì thương con. Anh không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung như chị C trình bày. Hiện con đang ở chung với chị C. Con của anh chị đã lớn nên nếu con muốn ở với chị C anh cũng đồng ý, anh không cấp dưỡng nuôi con nếu con ở với chị C. Ngược lại, nếu con muốn ở với anh thì anh nuôi, anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng anh không có tài sản chung hay nợ chung.

Các văn bản tố tụng của Tòa gửi anh đã nhận được nhưng anh bận công việc nên không dự hòa giải được. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về tố tụng: Chị C, anh Ch có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C, anh Ch.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn trong đơn khởi kiện cũng như tại bản tự khai, những chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân của chị C ,anh Ch về đời sống chung đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C. Về con chung: Giao con chung cho chị C nuôi, chị C không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C, anh Ch có yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Do đó, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh Ch.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị Triệu Thị C và anh Trần Văn Ch tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/3/2009 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị C và anh Ch phát sinh mâu thuẫn, chị C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Ch; không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng chị C, anh Ch hàn gắn tình cảm nhưng anh Ch đã vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện anh Ch đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ.

Mặt khác, theo xác minh của Tòa án thể hiện giữa chị C và anh Ch đã có những mâu thuẫn phát sinh. Chị C và anh Ch đã sống ly thân với nhau hơn 3 năm nay.

Anh Ch không đồng ý ly hôn nhưng anh Ch cũng thừa nhận anh chị đã ly thân 03 năm. Trong thời gian ly thân thì vợ chồng không có liên lạc và hiện tại cuộc sống của chị C thế nào anh cũng không biết.

Qua đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C, anh Ch đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị C đối với anh Trần Văn Ch là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị C và anh Ch có 01 con chung tên Trần Thị Kim P, sinh ngày 06/9/2008. Chị C yêu cầu nuôi con trong khi anh Ch thì trình bày tôn trọng nguyện vọng của con và nếu con muốn ở với chị C anh Ch cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu P hiện đang sống cùng chị C, có cuộc sống học tập, sinh hoạt ổn định. Cháu P cũng có nguyện vọng được ở với chị C.

Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P cho chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho con chung, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ghi nhận việc chị C không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C, anh Ch khai không có nên Tòa án không xét đến.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị C phải nộp.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Triệu Thị C được ly hôn với anh Trần Văn Ch.

Ghi nhận chị C, anh Ch không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn

Quan hệ hôn nhân của chị C, anh Ch chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Triệu Thị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Kim P, sinh ngày 06/9/2008. Chị C không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Sau khi ly hôn, anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Chị Triệu Thị C trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Ch trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị C, anh Ch khai không có nên Tòa án không xét đến.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Triệu Thị C phải nộp là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006455 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị Triệu Thị C đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- C cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Phú Đức (30/3/2009)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết